TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO YÊN** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-3-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Quý Sáng và bà Đinh Thị Út

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 10/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2022/TLST-HNGĐ ngày 27/12/2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/02/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Bản B, xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

Bị đơn: Anh Doãn Văn T, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Bản B, xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 26/12/2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Triệu Thị N trình bày:

Chị và anh Doãn Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/5/2013 tại UBND xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì có mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân là do hoàn cảnh gia đình khó khăn chị phải đi làm ăn kinh tế nhưng anh T ở nhà không chia sẻ với chị dẫn đến vợ chồng cãi vã đánh chửi nhau. Từ ngày 26/11/2022 chị không chịu được nữa nên đã về nhà bố mẹ đẻ ở và hai vợ chồng ly thân nhau, anh T không sửa chữa mà còn gọi điện chửi bới xúc phạm chị. Nay mâu thuẫn trở nên trầm trọng, chị không còn tình cảm gì với anh T nữa nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Về con chung, anh chị có hai

con chung là cháu Doãn Triệu An P sinh ngày 30/01/2014 và cháu Doãn Xuân Q sinh ngày 11/3/2017. Chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ngoài ra chị không đề nghị giải quyết về tài sản và công nợ chung.

Đối với bị đơn anh Doãn Văn T, tại biên bản lấy lời khai anh T thừa nhận sau khi kết hôn anh và chị N sống hạnh phúc đến năm 2020-2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vì chị N đi làm ăn về nhà thay đổi tính nết, anh có bảo chị về vun vén gia đình nhưng chị không về mà còn lạnh nhạt với anh. Nay anh vẫn còn tình cảm với chị nên muốn vợ chồng đoàn tụ, nếu chị N vẫn cương quyết ly hôn thì tuỳ chị N. Về con chung, trường hợp chị N cương quyết ly hôn thì anh đề nghị giải quyết cho anh trực tiếp nuôi cả hai cháu không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Tài sản và công nợ anh T cũng không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Toà án, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Toà án đã hỏi ý kiến cháu Doãn Triệu An P và cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Toà án đã thông báo hoà giải nhưng do bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được. Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn và thay đổi yêu cầu về con, chị N đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Doãn Triệu An Phú và để anh T trực tiếp nuôi cháu Doãn Xuân Q, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, xử cho chị Triệu Thị N ly hôn anh Doãn Văn T. Về con chung, xử giao cháu P cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí, chị N phải chịu cả tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Triệu Thị N có đơn yêu cầu giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với anh Doãn Văn T. Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Anh T vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên Toà án xét xử vắng mặt anh theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị N và anh T có đăng ký kết hôn ngày 07/5/2013 tại UBND xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh chị đều thừa nhận quá trình chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù anh chị khai sự việc

mâu thuẫn không giống nhau nhưng qua xác minh tại địa phương thì anh chị đã sống ly thân từ tháng 11/2022 đến nay là đúng sự thật. Xét thấy đời sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, anh chị đã không còn thương yêu, tôn trọng nhau nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, xử cho chị N ly hôn anh T.

[3]. Về con chung: Chị N và anhT có hai con chung là cháu Doãn Triệu An P sinh ngày 30/01/2014 và cháu Doãn Xuân Q sinh ngày 11/3/2017, hiện nay các cháu phát triển bình thường. Theo lời khai và chứng cứ thu thập được thì chị N và anh T đều là lao động tự do, tại địa phương làm nông nghiệp, ngoài ra có đi làm thuê nên anh chị đều có đủ khả năng và điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tại phiên toà hôm nay chị N đề nghị Toà án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi cháu P và để anh T trực tiếp nuôi cháu Q. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy yêu cầu của chị là phù hợp với nguyện vọng của con chung, anh chị đều được thực hiện quyền của cha mẹ đối với con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, anh chị không có đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: các đương sự đều trình bày không đề nghị giải quyết công nợ chung trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử cho chị Triệu Thị N ly hôn anh Doãn Văn T.

2/ Về con chung, xử giao cháu Doãn Triệu An P sinh ngày 30/01/2014 cho chị Triệu Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu cháu Doãn Xuân Q sinh ngày 11/3/2017 cho anh Doãn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh T và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Triệu Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0001559 ngày 27/12/2022.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Yên (2);
- UBND xã K;
- Đương sự;
- Chi cục THADS Bảo Yên;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Hoàng Thị Giang Thanh